TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Số: 29/2023/HNGĐ - ST
Ngày 31 tháng 7 năm 2023
"V/v tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khảm và ông Đoàn Văn Đoan.

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hải Yến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2023/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn Y, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

Bị đơn: Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 2001; nơi cư trú: Thôn Y, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 3 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Anh và chị Trần Thị Thanh T kết hôn với nhau tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 20/10/2020. Trước khi kết hôn cả hai người đều được tự do tìm hiểu nhau. Sau ngày cưới, chị T về làm dâu và sinh sống với gia đình nhà anh ngay. Quá trình chung sống, ban đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc. Đến khoảng giữa năm 2022, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, chủ yếu là do cuộc sống hàng ngày vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên bất đồng quan điểm cãi chửi nhau. Khi tình cảm vợ chồng dạn nứt, hai bên gia đình có giàn xếp để vợ chồng về sống với nhau nhưng không có kết quả. Tháng 10/2022 anh chị sống ly thân với nhau, trong thời gian sống ly thân cả hai người đều cắt đứt liên

lạc, không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Bị đơn là chị Trần Thị Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tại phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T trình bày:

Về thời gian đăng ký kết hôn, thời gian chung sống và mâu thuẫn của vợ chồng, chị xác định đúng như lời trình bày trên của anh C.

Chị T xác định, vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 10/2022 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì cả chị và anh C đều cắt đứt liên lạc với nhau và không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh C xin ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Anh C và chị T đều xác định, vợ chồng chưa có con chung.

Về các mối quan hệ nhân thân khác như tài sản chung, tài sản riêng, đất ở; đất canh tác; công nợ và công sức: Anh C và chị T đều xác định, vợ chồng không có gì nên ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật như sau:

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán; Thư ký Toà án và Hội đồng xét xử đã làm đầy đủ và tuân theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn không có mặt, không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nên Kiểm sát viên không có kiến nghị gì.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 51; 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn C và cho anh C được ly hôn với chị Trần Thị Thanh T.

Về con chung: Anh C và chị T đều xác định vợ chồng chưa có con chung nên không xem xét giải quyết.

Còn về các mối quan hệ nhân thân khác như tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Anh C và chị T đều xác định, vợ chồng không có gì, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh C phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn C là nguyên đơn, yêu cầu xin ly hôn đối với bị đơn là chị Trần Thị Thanh T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

Trần Thị Thanh T là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T theo thủ tục chung.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

Anh C và chị T đều xác định, tình cảm vợ chồng đến nay không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên anh chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn với nhau.

Căn cứ vào kết quả xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã Đ và lời trình bày của hai bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Anh C và chị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc cho nên cần xác định cuộc hôn nhân của Anh C và chị T là cuộc hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, anh C và chị T đều thừa nhận. Trong cuộc sống hàng ngày, giữa anh C và chị T có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không có cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, thiếu sự quan tâm chia sẻ đối với nhau. Khi xảy ra mâu thuẫn, cả anh C và chị T đều không ai tìm biện pháp để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng mà chọn cách sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân, anh C và chị T không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Khi anh C xin ly hôn, chị T đồng ý ngay. Điều này chứng tỏ, tình cảm vợ chồng giữa anh C và chị T đã dạn nứt đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, thấy yêu cầu xin ly hôn của anh C là có căn cứ nên cần chấp nhận và cho anh C được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh C và chị T đều xác định vợ chồng chưa có con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Anh C và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Anh C phải chịu toàn bộ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì vậy, quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên đối với vụ án này là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên./.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn C được ly hôn chị Trần Thị Thanh T.

2/ Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0001631 ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Xác nhận anh C đã nộp đủ.

Đương sự có mặt, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Đ;
- Lưu HS, VT;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Hạnh